

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÌNH THUẬN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 105/NQ-HĐND

Bình Thuận, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quyết định biên chế công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, biên chế các tổ chức hội năm 2025 của tỉnh Bình Thuận

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 29

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 4469/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, biên chế các tổ chức hội năm 2025 của tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 201/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định số lượng biên chế công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, biên chế các tổ chức hội năm 2025 của tỉnh, như sau:

1. Số biên chế công chức: **2.009** biên chế.
2. Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: **22.402** người.
3. Bổ sung **398** biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập.
4. Biên chế trong các tổ chức hội : **148** biên chế.
(Kèm theo các Phụ lục số I, II, III, IV, V, VI, VII)
5. Thống nhất số lượng lao động bảo vệ rừng chuyên trách tại các Ban quản lý rừng phòng hộ năm 2025: **480** người.
(Kèm theo Phụ lục số VIII)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa XI, kỳ họp thứ 29 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoài Anh

Phụ lục I

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH CÔNG CHỨC, SỐ LƯỢNG NGƯỜI
LAO ĐỘNG HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH,
BIÊN CHẾ CÁC TỔ CHỨC HỘI TOÀN TỈNH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 105/NQ-HĐND
ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Bình Thuận)*

Số TT	Phân loại	Biên chế, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách năm 2024	Biên chế, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách năm 2025	Tăng/giảm
A	Tổng biên chế hành chính, sự nghiệp	25360	24809	-551
I	Quản lý hành chính	2013	2009	-4
II	Sự nghiệp	23347	22800	-547
	Theo Kế hoạch số 184KH/TU của Tỉnh ủy	22949	22402	-547
	Biên chế giáo dục Trung ương bổ sung	398	398	
1	Sự nghiệp văn hóa, thông tin và thể thao	473	467	-6
2	Sự nghiệp y tế	2562	2412	-150
3	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	19517	19168	-349
4	Sự nghiệp khác	795	753	-42
B	Biên chế các tổ chức hội	148	148	

Phụ lục II
PHÂN BỐ CHI TIẾT BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC
(Kèm theo Nghị quyết số 105/NQ-HĐND
ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Bình Thuận)

Số TT	Tên đơn vị	Biên chế công chức giao năm 2024	Kế hoạch biên chế công chức năm 2025
	Tổng cộng	2.013	2.009
A	Cấp tỉnh	1.186	1.182
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	32	32
2	Văn phòng UBND tỉnh	58	58
3	Sở Nội vụ	39	39
	Ban Thi đua - Khen thưởng	12	12
	Ban Tôn giáo	13	12
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	37	38
	Chi cục Thủy lợi	13	13
	Chi cục Phát triển nông thôn	16	16
	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	12	12
	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	13	13
	Chi cục Kiểm lâm	245	241
	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	14	14
	Chi cục Thủy sản	31	31
	Văn phòng Điều phối Nông thôn mới	4	4
5	Sở Công Thương	36	36
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	39	39
7	Sở Tài chính	51	51
8	Sở Xây dựng	36	36
	Thanh tra Sở Xây dựng	10	10

9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	39	39
10	Sở Giao thông vận tải	31	33
	Thanh tra Sở Giao thông vận tải	35	33
	Văn phòng Ban ATGT tỉnh	3	3
11	Sở Khoa học và Công nghệ	22	22
	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	12	12
12	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	40	40
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	40	40
14	Sở Y tế	54	54
15	Sở Thông tin và Truyền thông	26	26
16	Sở Tư pháp	30	30
17	Sở Tài nguyên và Môi trường	39	39
	Chi cục Bảo vệ Môi trường	14	14
	Chi cục Quản lý đất đai	21	21
18	Thanh tra tỉnh	34	35
19	Ban Dân tộc tỉnh	17	16
20	Ban Quản lý các khu công nghiệp Bình Thuận	18	18
B	Cấp huyện	827	827
1	Huyện Tuy Phong	87	87
2	Huyện Bắc Bình	89	89
3	Huyện Hàm Thuận Bắc	89	89
4	Thành phố Phan Thiết	96	96
5	Huyện Hàm Thuận Nam	84	84
6	Huyện Hàm Tân	85	85
7	Thị xã La Gi	85	85
8	Huyện Đức Linh	85	85
9	Huyện Tánh Linh	87	87
10	Huyện Phú Quý	40	40

Phụ lục III

PHÂN BỐ CHI TIẾT NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP VĂN HÓA, THÔNG TIN VÀ THỂ THAO

(Kèm theo Nghị quyết số 105/NQ-HĐND
ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Bình Thuận)

Số TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách năm 2024	Kế hoạch số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách năm 2025
	Tổng cộng	473	467
A	Cấp tỉnh	259	255
1	Đài Phát thanh - Truyền hình	69	68
2	Thư viện tỉnh	22	22
3	Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bình Thuận	17	16
4	Bảo tàng Bình Thuận	29	29
5	Trung tâm Văn hóa tỉnh	29	29
6	Nhà hát ca múa nhạc Biển Xanh	64	62
7	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh	29	29
B	Cấp huyện	202	200
1	Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thanh Truyền hình huyện Tuy Phong	23	23
2	Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao huyện Bắc Bình	24	24
3	Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao huyện Hàm Thuận Bắc	20	20
4	Đài Truyền thanh Truyền hình thành phố Phan Thiết	11	11
5	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố Phan Thiết	15	15
6	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện Hàm Thuận Nam	17	17
7	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện Hàm Tân	17	17

8	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao thị xã La Gi	28	27
9	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa và Thể thao huyện Đức Linh	19	18
10	Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thanh huyện Tân Linh	14	14
11	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện Phú Quý	14	14
C	Dự phòng	12	12

Phụ lục IV
PHÂN BỐ CHI TIẾT NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ
SỰ NGHIỆP Y TẾ

(Kèm theo Nghị quyết số 105/NQ-HĐND
ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Bình Thuận)

Số TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách năm 2024	Kế hoạch số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách năm 2025
	Tổng cộng	2.562	2.412
A	Cấp tỉnh	561	533
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh	149	134
2	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Bình Thuận	26	23
5	Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	82	80
6	Bệnh viện Phổi	64	62
7	Bệnh viện Da liễu	37	36
8	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	153	148
9	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	21	21
10	Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y	29	29
B	Cấp huyện	1.099	810
	Hệ điều trị	837	548
1	TTYT Tuy Phong	84	23
2	TTYT Bắc Bình	30	30
3	TTYT Hàm Thuận Bắc	119	111
4	TTYT Phan Thiết	80	62
5	TTYT Hàm Thuận Nam	104	47
6	TTYT Hàm Tân	119	45
7	TTYT La Gi	48	37
8	TTYT Đức Linh	98	95
9	TTYT Tánh Linh	104	47

10	TTYT dân quân y Phú Quý	51	51
	Hệ dự phòng	262	262
	Huyện Tuy Phong	30	30
	Huyện Bắc Bình	32	32
	Huyện Hàm Thuận Bắc	30	30
	Thành phố Phan Thiết	35	35
	Huyện Hàm Thuận Nam	25	25
	Huyện Hàm Tân	21	21
	Thị xã La Gi	25	25
	Huyện Đức Linh	25	25
	Huyện Tánh Linh	25	25
	Huyện Phú Quý	14	14
C	Khối trạm y tế xã phường	902	1.069
	Huyện Tuy Phong	82	112
	Huyện Bắc Bình	125	133
	Huyện Hàm Thuận Bắc	131	147
	Thành phố Phan Thiết	120	139
	Huyện Hàm Thuận Nam	81	102
	Huyện Hàm Tân	66	69
	Thị xã La Gi	62	77
	Huyện Đức Linh	100	122
	Huyện Tánh Linh	107	138
	Huyện Phú Quý	28	30

Phụ lục V
PHÂN BỐ CHI TIẾT NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG SỰ NGHIỆP
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

*(Kèm theo Nghị quyết số 105/NQ-HĐND
ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Bình Thuận)*

Số TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách năm 2024	Kế hoạch số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách năm 2025
	Tổng cộng	19.517	19.168
A	Các trường thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý	2.116	2261
1	THPT Tuy Phong	91	111
2	THPT Hòa Đa	104	113
3	THPT Bắc Bình	100	114
4	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	66	72
5	THPT Nguyễn Văn Linh	70	76
6	THPT Hàm Thuận Bắc	108	114
7	THPT Phan Bội Châu	136	152
8	THPT Phan Chu Trinh	114	115
9	THPT Phan Thiết	99	109
10	THPT Bùi Thị Xuân	59	67
11	THPT Lương Thế Vinh	49	58
12	THPT Hàm Thuận Nam	81	89
13	THPT Nguyễn Trường Tộ	46	54
14	THPT Lý Thường Kiệt	89	94
15	THPT Nguyễn Huệ	82	89
16	THPT Hàm Tân	44	46
17	THPT Đức Tân	47	52
18	THPT Huỳnh Thúc Kháng	33	39
19	THPT Tánh Linh	85	91
20	THPT Nguyễn Văn Trỗi	61	69

21	THPT Đức Linh	76	78
22	THPT Hùng Vương	116	118
23	THPT Quang Trung	76	73
24	THPT Ngô Quyền	62	68
25	PT Dân tộc nội trú tỉnh	83	78
26	THPT Chuyên Trần Hưng Đạo	139	122
B	Các trường, trung tâm thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố quản lý	16.553	16.534
I	Bậc mầm non	3.645	3.732
1	Huyện Tuy Phong	391	398
2	Huyện Bắc Bình	462	483
3	Huyện Hàm Thuận Bắc	535	550
4	Thành phố Phan Thiết	437	475
5	Huyện Hàm Thuận Nam	306	308
6	Huyện Hàm Tân	255	257
7	Thị xã La Gi	222	221
8	Huyện Đức Linh	439	436
9	Huyện Tánh Linh	416	423
10	Huyện Phú Quý	182	181
II	Bậc tiểu học	7.619	7.558
1	Huyện Tuy Phong	891	868
2	Huyện Bắc Bình	914	900
3	Huyện Hàm Thuận Bắc	1.124	1.102
4	Thành phố Phan Thiết	1.127	1.167
5	Huyện Hàm Thuận Nam	771	765
6	Huyện Hàm Tân	479	446
7	Thị xã La Gi	592	610
8	Huyện Đức Linh	778	761
9	Huyện Tánh Linh	770	755
10	Huyện Phú Quý	173	184
III	Bậc trung học cơ sở	5.186	5.142
1	Huyện Tuy Phong	522	537

2	Huyện Bắc Bình	631	635
3	Huyện Hàm Thuận Bắc	782	774
4	Thành phố Phan Thiết	666	706
5	Huyện Hàm Thuận Nam	559	548
6	Huyện Hàm Tân	324	312
7	Thị xã La Gi	430	407
8	Huyện Đức Linh	564	558
9	Huyện Tánh Linh	574	542
10	Huyện Phú Quý	134	123
IV	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện	103	102
1	Huyện Tuy Phong	11	11
2	Huyện Bắc Bình	18	18
3	Huyện Hàm Thuận Bắc	6	6
4	Huyện Hàm Thuận Nam	5	5
5	Huyện Hàm Tân	4	4
6	Thị xã La Gi	20	20
7	Huyện Đức Linh	17	16
8	Huyện Tánh Linh	18	18
9	Huyện Phú Quý	4	4
C	Khối trường thuộc UBND tỉnh quản lý	250	243
	Trường Cao đẳng Bình Thuận	250	243
D	Dự phòng và Biên chế giáo dục Trung ương giao bổ sung	598	130

Phụ lục VI

PHÂN BỐ CHI TIẾT NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG SỰ NGHIỆP KHÁC*(Kèm theo Nghị quyết số 105/NQ-HĐND**ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Bình Thuận)*

Số TT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách năm 2024	Kế hoạch số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách năm 2025
	Tổng cộng	795	753
A	Cấp tỉnh	552	593
1	Trung tâm Hội nghị	4	4
2	Trung tâm Thông tin (Văn phòng UBND tỉnh)	13	13
3	Trung tâm Hành chính công	8	8
4	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	14	13
5	Trung tâm Khuyến nông	49	49
6	Các Trạm thuộc Chi cục Thủy sản	26	25
7	Trung tâm Giống nông nghiệp	5	5
8	Trạm kiểm dịch thực vật nội địa thuộc Chi cục Bảo vệ thực vật	6	6
9	Trạm xét nghiệm và kiểm dịch thủy sản Vĩnh Tân thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y	6	6
10	BQL RPH Trị An	6	6
11	BQL RPH Hàm Thuận - Đa Mi	6	6
12	BQL RPH Lòng Sông - Đá Bạc	7	7
13	BQL RPH Phan Điền	6	6
14	BQL RPH Cà Giây	6	6
15	BQL RPH Sông Quao	6	6
16	BQL RPH Sông Lũy	7	7
17	BQL RPH Sông Móng - Capét	7	7
18	BQL RPH Lê Hồng Phong	6	6

19	BQL RPH La Ngà	6	6
20	BQL RPH Đông Giang	7	7
21	BQL RPH Hồng Phú	5	5
22	BQL RPH Sông Mao	6	6
23	BQL RPH Tuy Phong	7	7
24	BQL RPH Đức Linh	5	5
25	BQL KBTTN Tà Kóu	20	20
26	BQL KBTTN Núi Ông	47	45
27	BQL KBTB Hòn Cau	9	9
28	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại	24	23
29	Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa	7	7
30	Trung tâm Mua tài sản công	5	
31	Trung tâm Xúc tiến du lịch tỉnh	11	11
32	Trung tâm Thông tin và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ	24	23
33	Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp	39	74
34	Ban Quản lý nghĩa trang liệt sỹ	4	4
35	Trung tâm Dịch vụ việc làm	11	10
36	Cơ sở điều trị nghiện ma túy	44	63
37	Trường Tình thương	8	8
38	Quỹ bảo trợ trẻ em	1	
39	Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông (Sở Thông tin và Truyền thông)	14	13
40	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	14	16
41	Trung tâm Phát triển quỹ đất	34	33
42	Trung tâm Công nghệ thông tin (Sở Tài nguyên và Môi trường)	12	12
B	Cấp huyện	131	126
1	Huyện Tuy Phong	12	12

	Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ nông nghiệp	11	11
	Phòng chống lụt bão	1	1
2	Huyện Bắc Bình	13	13
	Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ nông nghiệp	12	12
	Phòng chống lụt bão	1	1
3	Huyện Hàm Thuận Bắc	13	13
	Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ nông nghiệp	12	12
	Phòng chống lụt bão	1	1
4	Thành phố Phan Thiết	18	14
	Trung tâm Phát triển quỹ đất	4	
	Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ nông nghiệp	6	6
	Ban Quản lý nghĩa trang	7	7
	Phòng chống lụt bão	1	1
5	Huyện Hàm Thuận Nam	11	11
	Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ nông nghiệp	10	10
	Phòng chống lụt bão	1	1
6	Huyện Hàm Tân	9	9
	Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ nông nghiệp	8	8
	Phòng chống lụt bão	1	1
7	Thị xã La Gi	16	16
	Trung tâm Phát triển quỹ đất	6	6
	Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ nông nghiệp	9	9
	Phòng chống lụt bão	1	1
8	Huyện Đức Linh	15	14
	Ban Quản lý công trình công cộng và Trung tâm Phát triển quỹ đất	3	3

	Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ nông nghiệp	11	10
	Phòng chống lụt bão	1	1
9	Huyện Tánh Linh	14	14
	Trung tâm Phát triển quỹ đất	3	3
	Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ nông nghiệp	10	10
	Phòng chống lụt bão	1	1
10	Huyện Phú Quý	10	10
	Trung tâm Phát triển quỹ đất	2	2
	Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ nông nghiệp	6	6
	Quản trang	1	1
	Phòng chống lụt bão	1	1
C	Biên chế dự phòng	112	34

Phụ lục VII
PHÂN BỐ CHI TIẾT BIÊN CHẾ TRONG CÁC TỔ CHỨC HỘI
(Kèm theo Nghị quyết số 105/NQ-HĐND
ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Bình Thuận)

Số TT	Tên đơn vị	Biên chế giao năm 2024	Biên chế kế hoạch năm 2025
	Tổng cộng	148	148
A	Cấp tỉnh	71	71
1	Liên minh các HTX tỉnh	14	14
2	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	16	16
3	Hội Đông y tỉnh	9	9
4	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh	9	9
5	Liên hiệp Hội KHKT tỉnh	10	10
6	Hội Luật gia tỉnh	3	3
7	Hội Người mù tỉnh	4	4
8	Hội Người cao tuổi tỉnh	3	3
9	Hội Nhà báo tỉnh	3	3
B	Cấp huyện	77	77
1	Huyện Tuy Phong	8	8
	Hội Chữ thập đỏ	3	3
	Hội Đông y	2	2
	Hội Luật gia	1	1
	Hội Người mù	1	1
	Hội Người cao tuổi	1	1
2	Huyện Bắc Bình	8	8
	Hội Chữ thập đỏ	3	3
	Hội Đông y	2	2
	Hội Luật gia	1	1
	Hội Người mù	1	1
	Hội Người cao tuổi	1	1
3	Huyện Hàm Thuận Bắc	8	8

	Hội Chữ thập đỏ	3	3
	Hội Đông y	2	2
	Hội Luật gia	1	1
	Hội Người mù	1	1
	Hội Người cao tuổi	1	1
4	Thành phố Phan Thiết	8	8
	Hội Chữ thập đỏ	3	3
	Hội Đông y	2	2
	Hội Luật gia	1	1
	Hội Người mù	1	1
	Hội Người cao tuổi	1	1
5	Huyện Hàm Thuận Nam	8	8
	Hội Chữ thập đỏ	3	3
	Hội Đông y	2	2
	Hội Luật gia	1	1
	Hội Người mù	1	1
	Hội Người cao tuổi	1	1
6	Huyện Hàm Tân	8	8
	Hội Chữ thập đỏ	3	3
	Hội Đông y	2	2
	Hội Luật gia	1	1
	Hội Người mù	1	1
	Hội Người cao tuổi	1	1
7	Thị xã La Gi	8	8
	Hội Chữ thập đỏ	3	3
	Hội Đông y	2	2
	Hội Luật gia	1	1
	Hội Người mù	1	1
	Hội Người cao tuổi	1	1
8	Huyện Đức Linh	8	8
	Hội Chữ thập đỏ	3	3

	Hội Đồng y	2	2
	Hội Luật gia	1	1
	Hội Người mù	1	1
	Hội Người cao tuổi	1	1
9	Huyện Tánh Linh	8	8
	Hội Chữ thập đỏ	3	3
	Hội Đồng y	2	2
	Hội Luật gia	1	1
	Hội Người mù	1	1
	Hội Người cao tuổi	1	1
10	Huyện Phú Quý	5	5
	Hội Chữ thập đỏ	1	1
	Hội Đồng y	1	1
	Hội Luật gia	1	1
	Hội Người mù	1	1
	Hội Người cao tuổi	1	1

Phụ lục VIII

**KẾ HOẠCH CHI TIẾT NGƯỜI LAO ĐỘNG LỰC LƯỢNG BẢO VỆ
RỪNG CHUYÊN TRÁCH TẠI CÁC BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ***(Kèm theo Nghị quyết số 105/NQ-HĐND**ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Bình Thuận)*

Tên đơn vị	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2025			
	Tổng số người lao động	Chia ra		
		Người lao động theo định mức	Giao thành lập tổ cơ động	Bảo vệ giáp ranh liên tỉnh, liên huyện
Tổng cộng	480	437	31	12
Trị An	25	21		4
Hàm Thuận Đa Mi	31	28	3	
Lòng Sông - Đá Bạc	43	40	3	
Phan Điền	28	25	3	
Cà Giây	29	25	2	2
Sông Quao	30	27	3	
Sông Lũy	38	34	2	2
Sông Móng - Capét	40	40		
Lê Hồng Phong	23	22	1	
La Ngà	44	39	1	4
Đông Giang	32	30	2	
Hồng Phú	25	21	4	
Sông Mao	30	28	2	
Tuy Phong	39	37	2	
Đức Linh	23	20	3	